

MÔN ĐỊA LÍ 6. GV: Cô Lê Thị Thanh Thúy

CHƯƠNG 1. BẢN ĐỒ - PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

Tiết 2, 3 : Bài 1: HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ

NỘI DUNG GHI BÀI:

I. Hệ thống kinh, vĩ tuyến

- Kinh tuyến là các đường nối liền 2 điểm cực Bắc và Nam.
- Kinh tuyến gốc là kinh tuyến 0° đi qua đài thiên văn Grin-uyt (thủ đô Luân Đôn - nước Anh), Kinh tuyến nằm bên phải kinh tuyến gốc là kinh tuyến Đông. Kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc là kinh tuyến Tây.
- Vĩ tuyến là các vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu, song song với đường Xích đạo.
- Vĩ tuyến gốc là đường vĩ tuyến lớn nhất 0° (đường Xích Đạo) vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Bắc là vĩ tuyến Bắc. Vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Nam là vĩ tuyến Nam.

II. Tọa độ địa lí

a. Khái niệm kinh độ, vĩ độ tọa độ địa lý

- Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.
- Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc (đường xích đạo)
- Kinh độ và vĩ độ của một địa điểm được gọi chung là tọa độ địa lí của điểm đó

b. Cách viết tọa độ địa lý của một điểm

- Kinh độ viết trước vĩ độ viết sau.
- Kinh độ viết trên vĩ độ dưới.

III. Lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới

Lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới với phép chiếu đồ hình trụ. Kinh tuyến là những đường thẳng song song cách đều nhau. Vĩ tuyến cũng là những đường thẳng song song và cách đều nhau. Các kinh, vĩ tuyến vuông góc với nhau.

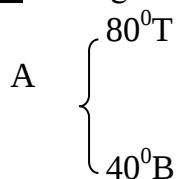
CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu 1:

HS quan sát hình 1.1 (sgk trang 114), quả Địa cầu và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:

- Xác định trên quả Địa cầu kinh tuyến, kinh tuyến gốc, kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây.
- Xác định nửa cầu Đông và Tây
- Xác định trên quả Địa cầu vĩ tuyến, vĩ tuyến gốc, vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam.
- Xác định nửa cầu Bắc và Nam

Câu 2: Hướng dẫn HS cách ghi tọa độ địa lí của điểm A hình 1.2/115:



Ghi kinh độ trước- số độ đường nằm dọc. Ghi Vĩ độ sau- số độ đường nằm ngang

- Hãy viết tọa độ các điểm B, C, D

Tiết 4, 5: Bài 2: KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG

NỘI DUNG GHI BÀI:

I. Kí hiệu bản đồ và chú giải

- Kí hiệu bản đồ là phương tiện dùng để thể hiện toàn bộ hay một phần của các sự vật và hiện tượng địa lí.
- Vì hệ thống các kí hiệu của bản đồ rất đa dạng nên khi đọc bản đồ, trước hết chúng ta cần đọc bảng chú giải để nắm được đầy đủ ý nghĩa của các kí hiệu sử dụng trên bản đồ.

II. Các loại kí hiệu bản đồ.

Hệ thống kí hiệu trên da đồ thường chia thành ba loại: kí hiệu điểm, kí hiệu đường và kí hiệu diện tích.

- Kí hiệu điểm dùng để biểu hiện những sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo những điểm riêng biệt như một mỏ khoáng sản, một sân bay, một cảng biển...
- Kí hiệu đường: thường được dùng để biểu hiện các sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo chiều dài như đường ranh giới quốc gia, đường giao thông, sông ngòi,...
- Kí hiệu diện tích: thường được dùng để thể hiện các sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo diện tích như đất trồng rừng, đầm lầy, vùng trồng lúa,...

CÂU HỎI – VẬN DỤNG

Câu 1:

- + Quan sát hình 2.2 và hình 2.3(sgk trang 118) em hãy: Xác định các yếu tố sau: bảng chú giải, kí hiệu.
- + Cho biết kí hiệu nào thể hiện các mỏ sắt, mỏ than? Xác định các lục địa có nhiều mỏ than trên bản đồ tự nhiên thế giới.
- + Kí hiệu nào được dùng để thể hiện ranh giới của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận?

Câu 2: HS dựa vào hình 2.2 SGK tr123 và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Xác định độ cao của đỉnh Ê-vơ-rét, độ sâu của vực Ma-ri-a-na.
- Tìm trên bản đồ dãy núi Róc-ki.